

Bản án số: 05/2019/KDTM - PT
Ngày 19 -11 - 2019
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Đài.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Khoa; Ông Trương Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong hai ngày 18 - 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” do bản án dân sự số 04/2019/KDTM-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai bị đơn có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22 /2019/QĐPT - KDTM ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/QĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V ; Viết và gọi tắt: (Công ty quản lý tài sản)

Viết bằng tiếng Anh: VIETNAM ASSET MANAGEMENT COMPANY;
Viết tắt:(V)

Địa chỉ: Số 22 H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến Đ - chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Là người đại diện theo pháp luật.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V: là Ngân hàng Thương mại cổ phần S công thương

Tên gọi: Ngân hàng Thương mại cổ phần S công thương

Viết bằng tiếng Anh: *S BANK FOR INDUSTRY AND TRADE (S BANK)*

Địa chỉ: Số 2C Phó Đức c, phường n, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Quang L – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần S công thương - Lào Cai.

Trú tại: Số 121, đường t, phường d, thành phố l, tỉnh Lào Cai - theo (Văn bản ủy quyền ngày 23/01/2018) có mặt.

2. Bị đơn: Tên gọi: Công ty cổ phần Xi măng H

Địa chỉ trụ sở theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Khe Cống thung lũng số 3, tổ 11, quốc lộ 70, phường l, thành phố l, tỉnh Lào Cai

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông Nguyễn Ngọc Q – Chức vụ: Giám đốc; Trú tại: Khe c số 3, tổ 11, quốc lộ 70, phường l, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vũ Tuấn L: Địa chỉ Công ty Luật TNHH d - Trú tại: Tầng 5M, số 01 n, phường n, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền ngày 25/10/ 2018) có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn theo yêu cầu: Bà Phan Thị Lam H và ông Nguyễn Đức T đều là luật sư, thuộc Công ty Luật TNHH Đ, thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn trình bày của nguyên đơn và bản án sơ thẩm kèm quyết định sửa chữa bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung được tóm tắt như sau:

Ngày 02/07/2010, Ngân hàng Thương mại cổ phần S công thương (gọi tắt: *Ngân hàng*) cho Công ty cổ phần Xi măng H (*Công ty Xi măng*) vay vốn theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số: 54241H/2010/HĐTDDH-DN, Số tiền cho vay: 12.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 72 tháng mục đích: Vay hoàn vốn đầu tư xây dựng trạm nghiền Clinker sản xuất xi măng, lãi suất áp dụng: 17%/năm, lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Cùng ngày 02/07/2010, Ngân hàng cho Công ty Xi măng vay vốn theo Hợp đồng hạn mức số: 54243/2010/HĐTĐHM-DN, Số tiền cho vay: 17.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, mục đích vay bổ xung vốn lưu động phục vụ hoạt động của Trạm nghiền Clinker xi măng. Lãi suất áp dụng trả theo từng lần nhận nợ, lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Hai khoản Hợp đồng tín dụng dài hạn số: 54241/2010/HĐTDDH-DN và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 54243/2010/HĐTĐHM-DN được đảm bảo bằng 03 loại tài sản gồm:

- Tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ: Khe cống thung lũng số 3, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền đất số: 28H/HĐBĐ-2010 giữa Ngân hàng và Công ty Xi măng ngày 13/07/2010.

- Toàn bộ máy móc thiết bị trạm nghiền Clinker và trạm cân điện tử của Công ty Xi măng. Theo hợp đồng thế chấp động sản số: 29H/HĐTC-2010/DN giữa Ngân hàng và Công ty Xi măng ngày 13/07/2010.

- Máy xúc lật bánh lốp, nhãn hiệu LW321F, BKS: 24LA-0130. Theo Hợp đồng thế chấp động sản số: 28Q/HĐTC-2011 giữa Ngân hàng và Công ty Xi măng ngày 31/08/2011.

Các hợp đồng thế chấp tài sản trên được giao kết trên cơ sở tự nguyện của các bên. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng số 2 tỉnh Lào Cai và được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ theo quy định.

Công Xi măng hoạt động kinh doanh đến cuối năm 2010 thì gặp khó khăn, và đến tháng 6/2011 thì bắt đầu phát sinh nợ xấu quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nhở, đôn đốc Công ty Xi măng thanh toán nợ quá hạn. Tuy nhiên Công Xi măng không thực hiện đúng nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Dẫn đến Công ty Xi măng không có khả năng thanh toán nợ gốc và lãi vay quá hạn cho Ngân hàng theo cam kết trong hợp đồng tín dụng. Dư nợ hiện tại của Công ty Xi măng tại Ngân hàng đã chuyển sang nợ nhóm V từ ngày 19/05/2012. Tổng nợ tính từ thời điểm theo 26 giấy nhận nợ cả gốc và lãi phạt cộng lại tính đến ngày chốt nợ 25/6/2019 với 02 hợp đồng tín dụng công ty Xi Măng còn phải trả là **52.491.490.059** đồng, trong đó số tiền nợ gốc là **18.116.564.079** đồng, tiền nợ lãi trong hạn đã quá và phạt quá hạn gốc, phạt chậm thanh toán lãi là **34.374.925.980đ**.

Cụ thể nhận nợ và thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty Xi măng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng dài hạn số: 54241H/2010/HĐTDDH-DN, gồm 01 Giấy nhận nợ số 01-HLS-DH/2010 ngày vay 02/07/2010, ngày trả 01/07/2016; nhận nợ: **12.000.000.000** đồng, lãi suất vay: 17%/năm. Tính đến ngày 25/06/2019, số tiền gốc đã trả là: 3.908.920.000 đồng, nợ lãi đã trả là: 1.655.605.065 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 8.091.080.000 đồng; nợ lãi, phạt quá hạn: 13.875.087.456 đ.

2. Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 54243/2010/HĐTĐHM-DN lập ngày 02/07/2010. Số tiền vay hạn mức là: **17.000.000.000**, gồm các giấy nhận nợ sau:

2.1- Giấy nhận nợ số 18/TD-2010 ngày vay 21/12/2010, ngày trả 21/06/2011. Số tiền nhận nợ: 1.325.000.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Tính đến ngày 25/06/2019, số tiền nợ gốc đã trả là: 1.325.000.000 đồng, nợ lãi đã trả là: 92.013.888 đồng. Dư nợ gốc là: 0, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn là: 487.584.096 đồng.

2.2- Giấy nhận nợ số 19/TD-2010 ngày vay 22/12/2010, ngày trả 22/06/2011. Số tiền nhận nợ: 1.250.000.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 1.209.854.443 đồng, nợ lãi đã trả là: 86.111.110 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 40.145.557 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là 1.306.081.576đ.*

2.3- Giấy nhận nợ số 20/TD-2010 ngày vay 23/12/2010, ngày trả 23/06/2011. Số tiền nhận nợ: 376.489.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 25.726.749 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 376.489.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là 701.407.896đ.*

2.4- Giấy nhận nợ số 21/TD-2010 ngày vay 27/12/2010, ngày trả 27/06/2011. Số tiền nhận nợ: 1.265.000.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 100.610.679 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 1.265.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là 2.338.339.189đ.*

2.5- Giấy nhận nợ số 22/TD-2010 ngày vay 28/12/2010, ngày trả 28/06/2011. Số tiền nhận nợ: 1.000.000.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 65.555.557 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 1.000.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là 1.861.634.722đ.*

2.6- Giấy nhận nợ số 23/TD-2010 ngày vay 29/12/2010, ngày trả 29/06/2011. Số tiền nhận nợ: 2.156.136.618 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 150.200.000 đồng, nợ lãi đã trả là: 140.148.880 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 2.005.936.618 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là 3.791.298.443đ*

2.7- Giấy nhận nợ số 24/TD-2010 ngày vay 04/01/2011, ngày trả 04/07/2011. Số tiền nhận nợ: 1.175.000.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 72.458.332 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 1.175.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là 2.185.462.467đ*

2.8- Giấy nhận nợ số 25/TD-2010 ngày vay 06/01/2011, ngày trả 06/07/2011. Số tiền nhận nợ: 330.000.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 19.983.332 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 330.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là 613.606.126 đ*

2.9- Giấy nhận nợ số 26/TD-2010 ngày vay 07/01/2011, ngày trả 07/07/2011. Số tiền nhận nợ: 300.000.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 18.000.001 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 300.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là: 557.740.416 đ.*

2.10- Giấy nhận nợ số 27/TD-2010 ngày vay 10/01/2011, ngày trả 10/07/2011. Số tiền nhận nợ: 900.000.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 52.500.000 đồng. Dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là: 1.672. 471.250 đ.*

2.11- Giấy nhận nợ số 28/TD-2010 ngày vay 12/01/2011, ngày trả 12/07/2011. Số tiền nhận nợ: 40.000.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 2.288.890 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 40.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là: 74. 309 832 đ*

2.12- Giấy nhận nợ số 29/TD-2010 ngày vay 29/01/2011, ngày trả 29/07/2011. Số tiền nhận nợ: 220.640.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 10.541.688 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 220.640.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là;408.851 130 đ.*

2.13- Giấy nhận nợ số 30/TD-2010 ngày vay 15/02/2011, ngày trả 15/08/2011 số tiền nhận nợ: 138.000.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 5.290.001 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 138.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là;255.065.591 đ.*

2.14- Giấy nhận nợ số 31/TD-2010 ngày vay 04/03/2011, ngày trả 04/09/2011 số tiền nhận nợ: 300.000.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 8.666.667 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 300.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là;552.823.750 đ.*

2.15- Giấy nhận nợ số 32/TD-2010 ngày vay 07/03/2011, ngày trả 07/09/2011. Số tiền nhận nợ: 119.500.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 3.253.056 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 119.500.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là;552.823.750 đ.*

2.16- Giấy nhận nợ số 33/TD-2010 ngày vay 09/03/2011, ngày trả 09/09/2011. Số tiền nhận nợ: 250.000.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 6.527.778 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 250.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là;460.339 236đ.*

2.17- Giấy nhận nợ số 34/TD-2010 ngày vay 14/03/2011, ngày trả 14/09/2011 số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng, lãi suất vay: 20%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 2.333.334 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 100.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là: 183.996.805đ.*

2.18- Giấy nhận nợ số 35/TD-2010 ngày vay 31/03/2011 ngày trả 31/09/2011 số tiền nhận nợ: 53.625.704 đồng, lãi suất vay: 20,5%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 763.421 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 53.625.704 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là: 100.095.133đ.*

2.19- Giấy nhận nợ số 36/TD-2010 ngày vay 01/04/2011 ngày trả 01/10/2011 số tiền nhận nợ: 165.000.000 đồng, lãi suất vay: 20,5%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 2.255.000 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 165.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là: 307.934.000đ.*

2.20- Giấy nhận nợ số 37/TD-2010 ngày vay 04/04/2011 ngày trả 04/10/2011 số tiền nhận nợ: 180.000.000 đồng, lãi suất vay: 20,5%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 2.152.500 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 180.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là: 335.774.250đ.*

2.21- Giấy nhận nợ số 38/TD-2010 ngày vay 05/04/2011, ngày trả 05/10/2011 số tiền nhận nợ: 50.000.000 đồng, lãi suất vay: 20,5%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 569.444 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 50.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là: 93.256.389đ.*

2.22- Giấy nhận nợ số 39/TD-2010 ngày vay 08/04/2011 ngày trả 08/10/2011 số tiền nhận nợ: 110.000.000 đồng, lãi suất vay: 21%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 1.090.833 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 110.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là: 208.477.042đ.*

2.23- Giấy nhận nợ số 40/TD-2010 ngày vay 26/04/2011 ngày trả 26/10/2011. Số tiền nhận nợ: 500.500.000 đồng, lãi suất vay: 21%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 0 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 500.500.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là: 945.650.956đ.*

2.24- Giấy nhận nợ số 41/TD-2010 ngày vay 29/04/2011 ngày trả 29/10/2011. Số tiền nhận nợ: 60.000.000 đồng, lãi suất vay: 21%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 0 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 60.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là: 111.207.250đ.*

2.25- Giấy nhận nợ số 42/TD-2010 ngày vay 01/06/2011 ngày trả 01/12/2011. Số tiền nhận nợ: 202.000.000 đồng, lãi suất vay: 23,5%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 0 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 202.000.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là: 405.682.492đ.*

2.26- Giấy nhận nợ số 43/TD-2010 ngày vay 01/06/2011 ngày trả 01/12/2011. Số tiền nhận nợ: 143.647.200 đồng, lãi suất vay: 23,5%/năm. Số tiền nợ gốc đã trả là: 0 đồng, nợ lãi đã trả là: 0 đồng. Dư nợ gốc còn lại là: 143.647.200 đồng, dư nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn *đến ngày 25/06/2019 là :288.490.816đ.* Lãi phạt chậm thanh toán lãi: 30.149.083đ.

Tính đến ngày 25/6/2019, tổng số tiền giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số: 54243/2010/HĐTDHM-DN là: 30.080.712.651 đồng. Số tiền gốc còn lại là: 10.025.484.079 đồng, số tiền lãi và lãi phạt còn phải trả là: 20.499.838.524 đồng. Tổng số tiền nợ Công ty CP Xi măng H còn phải trả của 02 Hợp đồng tín dụng gồm: Tiền gốc là: 18.116.564.079 đồng; tiền lãi và phạt là: 34.374.925.980 đồng, tổng là: 52.491.490.059 đồng.

Do không thu hồi được khoản nợ nêu trên, ngày 30/10/2013 Ngân hàng đã bán toàn bộ khoản nợ cho công ty V. Ngày 12/11/2018 số dư nợ của Công ty Xi măng đã được V bán lại cho Ngân Hàng bằng Hợp đồng số: 4053/2018/BN.V1-SAIGONBANK để Ngân hàng thu hồi vốn vay. Vì vậy người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của V là Ngân hàng Thương mại cổ phần S công thương đã yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Cổ phần Xi măng có nghĩa vụ trả số nợ trên. Trường hợp Công ty Cổ phần Xi măng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì đề nghị Tòa án tuyên quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 28H/HĐBĐ-2010; thế chấp số: 29H/HĐTC-2010/DN cùng ngày 13/7/2010 và thế chấp số: 28Q/HĐTC-2011 ngày 31/8/2011 như biên bản đã được Tòa án xem xét tại chỗ ngày 20/7/2018 cụ thể:

* Tài sản đã được cấp quyền sở hữu cho Công ty Xi măng: Gồm toàn bộ công trình: Trạm nghiền Clinker sản xuất xi măng công suất 100.000 tấn/năm. Bao gồm các hạng mục công trình: Nhà văn phòng 368m²; Nhà nghỉ công nhân 262,8m²; Nhà ăn ca công nhân 202,6m²; 03 Silô xi măng 1528,0m²; Nhà nghiền Clinker 860,4 m²; Nhà kho xi măng 471,6m²; Nhà kho Clinker1 là 506,25; Nhà kho Clinker2 là 721,8m²; Nhà bếp 38,9m²; 02 Nhà bảo vệ; Nhà thí nghiệm 75m²; Nhà kho chứa phụ gia 721,8m²; 01 Trạm công suất 35KVA/0,4 và 01 Trạm công suất 35KVA/6liên với thửa đất thuê có diện tích: 29.500m² tại Lô 6, khoảnh 1, tiểu khu 34, thuộc tổ 11, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai. Thời gian sử dụng; Đến hết ngày 01/12/2056 theo Giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản khác gắn liền với đất số BB 021578 cấp ngày 14/12/2010 và Giấy chứng QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 021579 cấp ngày

14/12/2010. Địa chỉ: Khe công thung lũng số 3, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai.

- Tài sản chưa được cấp quyền sở hữu gồm toàn bộ công trình như: Cổng, hàng rào; Đường vào công trình 12m; Sân bê tông; Kè đá trong nhà máy; Cổng hộp và rãnh thoát nước; Đường lên khu sản xuất; Silô đóng bao; Hành lang; Rãnh thoát nước + kè đá 12m, Trạm cân điện tử; Đường vào nhà máy, bãi đỗ xe nằm trên diện tích đất gắn liền với thửa đất thuê diện tích: 29.500m²; Địa chỉ: Lô 6, khoảnh 1, tiểu khu 34, thuộc tổ 11(nay tổ 10) phường Lào Cai, thành phố Lào Cai:

2. Tài sản thứ hai: Toàn bộ máy móc thiết bị trong trạm nghiền Clinker và trạm cân điện tử của Công ty CP xi măng H số lượng tính cái gồm: Máy nghiền bi 01; Máy kẹp hàm 01; Máy cân băng định lượng 04; Máy phân ly 01; Máy vít tải 01; Van tăng xoay điện 15tấn/h01; Máy lọc bụi 01; Gầu tải xích đóng bao 01; Gầu tải xích máy nghiền02; Máy cầu trục khẩu độ12m; trọng tải nâng 08tấn sơn vàng01; Băng tải ngang + phễu xả liệu 04; Băng tải xiên01; Bun ke cấp liệu + van xả08; Máng khí01; Côn Silô xi măng +van xả + phễu xả04; Côn Silô đóng bao + van xả + phễu xả 04; ống xả quạt hút + ống hút bụi + côn ống hút bụi 07; Giá đỡ xi măng + bàn trượt xi măng 02; Cân điện tử 150 tấn (3m x 18m) 01; Máy ép thủy lực TYE-300B01; Máy nghiền đá thí nghiệm 01; Máy dẫn mẫu nén01; Máy trộn hồ, vữa XM kiểu hành tinh JJ-501; Máy thí nghiệm01; Máy đóng bao tự động 8 vôi 01; Tủ khởi động 380V 01; Tủ điều khiển 6KV động cơ nghiền 01; Tủ điều khiển hệ thống nghiền 01; Tủ biến tần khởi động 01; Máy tính điều khiển 01; Tủ đóng cắt điện 01; Tủ bù cốt phi 01 theo thể chấp động sản số: 29H/HĐTC-2010/DN ngày 13/07/2010

3. Tài sản thứ ba gồm: Máy xúc lật bánh lốp, nhãn hiệu: LW321F; Biển kiểm soát: 24LA - 0130. Số khung: 20710019; Số máy: B 7615702670; Năm sản xuất: 2008; Nơi sản xuất: Trung Quốc là tài sản thế chấp động sản số: 28Q/HĐTC-2011ngày 31/08/2011. Toàn bộ tài sản trên là của Công ty cổ phần Xi măng H dùng để đảm bảo đã thế chấp vốn vay cho Ngân hàng (không đề nghị xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất số 51997/2010 ngày 20/5/2010 kèm theo hợp đồng số 56/HĐBĐ-2010 ngày 19/10/2010 là 358 248 857đ). **khoản 1 Điều 228**

- Đề nghị giải quyết vụ án của bị đơn và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Công ty cổ phần Xi măng H vào ngày 02/7/2010 có ký 02 Hợp đồng tín dụng dài hạn số: 54241H/2010/HĐTDDH-DN, Số tiền vay: 12.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 72 tháng mục đích: Vay hoàn vốn đầu tư xây dựng trạm nghiền Clinker và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 54243/2010/HĐTDHM-DN, Số tiền vay: 17.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, mục đích vay: Bổ xung vốn lưu động phục vụ hoạt động của Trạm nghiền Clinker. Lãi suất. Lãi phạt cả hai hợp đồng như nguyên đơn trình bày. Hai khoản vay của hai Hợp

đồng tín dụng dài hạn số: 54241/2010/HĐTDDH-DN và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 54243/2010/HĐTDHM-DN được đảm bảo bằng 03 loại tài sản (thông qua 03 hợp đồng số 28H/HĐBĐ-2010 ký ngày 13/07/2010; số: 29H/HĐTC-2010/DN đã ký ngày 13/07/2010 và số: 28Q/HĐTC-2011 đã ký giữa Ngân hàng và Công ty Xi măng ngày 31/08/2011) đã có trong hồ sơ. Tuy nhiên không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty Xi măng phải thanh toán số tiền nợ gốc là 18.116.564.079 đồng và tiền lãi phát sinh theo hai Hợp đồng tín dụng 34.374.925.980 VNĐ cho Ngân hàng là chưa có cơ sở nên không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do hai hợp đồng vay là vô hiệu.

Luật sư ông Nguyễn Đức T người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn đề nghị Tòa phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với các lý do: (1) Bản án sơ thẩm có sai sót trong việc thu thập tài liệu chứng cứ và số liệu trong bản án dẫn đến phải sửa chữa bản án, trong khi cấp phúc thẩm đã thụ lý vụ ngày 03/9/2019 nhưng đến tận 10/10/2019 mới thông báo sửa chữa bản án là vi phạm đến quyền kháng cáo của bị đơn. (2) Tư cách tham gia tố tụng của ngân hàng Công thương chưa đúng, chưa đủ điều kiện là người kế thừa trong tố tụng vì chưa thông báo đã trả đủ lượng trái phiếu đặc biệt theo quy định kế thừa. (3) Kết luận giám định của Bộ quốc phòng xác định chưa đủ cơ sở xác định chữ ký của bà P (cổ đông viên) trong biên bản họp Hội đồng cổ đông để thống nhất vay vốn hợp ngày 01/7/2010 có đúng là chữ ký của bà P hay không, kết luận có mâu thuẫn với kết luận của Bộ công an là chưa vững chắc. (4) Hợp đồng vay vốn lớn hơn 50% giá trị tài sản trong báo cáo tài chính hiện có của công ty Xi măng, nhưng Công ty Xi măng không thông qua nghị quyết đại hội cổ đông là sai quy định điều lệ công ty; (5) Cấp sơ thẩm không đình chỉ hợp đồng số 56/2010/HĐ khi nguyên đơn rút yêu cầu với số tiền 358.248 857đ là vi phạm tố tụng gây thiệt cho bị đơn. Từ lý do đó đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại theo quy định.

Luật sư Phan Thị Lam H nhất trí như lời bào chữa bảo vệ của luật sư Nguyễn Đức T và ý kiến đề nghị của người đại diện quyền lợi cho bị đơn.

Tại bản án số: 04/2019/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* và quyết định số 02/2019 sửa chữa bổ sung bản án của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 74; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 161; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 309; 318; 336; 338; 342; 343; 344; 347; 355; 389, 401; 402; 405 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Án lệ số 08/2016/AL.

Căn cứ các Điều 91; 95; 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 7, Điều 14 Nghị định số 53/2013/NĐ – CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

Căn cứ các điều 3, 4, 5, 13, 14 Thông tư 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động mua bán nợ của các tổ chức tín dụng. Thông tư 19/2013. Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 56H/HĐBĐ-2010 ngày 19/10/2010.

- Buộc Công ty cổ phần Xi măng H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S công thương tổng số tiền tính đến ngày 25/6/2019 là 52.491.490.059 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 18.116.564.079 đồng, tiền nợ lãi, phạt quá hạn gốc, phạt là 34.374.925.980 đồng của cả hai Hợp đồng số: 54241H/2010/HĐTDDH-DN và số: 54243H/2010/HĐTDDH-DN cùng ngày 02/7/2010 giữa. Công ty Cổ phần xi măng còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận của 02 hợp đồng trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp Công ty Cổ phần Xi măng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên. Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi khoản nợ theo Hợp đồng thế chấp số: 28H/HĐBĐ-2010; số: 29H/HĐTC-2010/DN cùng ngày 13/7/2010; Hợp đồng số: 28Q/HĐTC-2011 ngày 31/8/2011 như biên bản xem xét tại chỗ ngày 20/7/2018 để thu hồi nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, chi phí giám định, giám định lại; Án phí giá ngạch và các quyền cho các đương sự theo quy định.

Ngày 12/8/2019 bị đơn Công ty Cổ phần xi măng H có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án và đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét lại bản án của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai. Lý do bản án có sai phạm tố tụng và chưa đủ cơ sở chắc chắn để buộc công ty Xi măng phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc và lãi là 52.491.490.059 đ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S Công thương do 02 hợp đồng vay không đúng quy định bị vô hiệu.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Nguyễn Xuân Hòa không đồng ý với đề nghị trong kháng cáo của bị đơn và đề xuất của các luật sư, bị đơn vi phạm hợp đồng vay tính đến ngày 25/6/2019 còn nợ số tiền vay như bản án sơ thẩm đã tuyên và không đề nghị bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tại phiên tòa phát biểu ý kiến nêu quan điểm vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về Quan điểm giải quyết vụ án đề nghị: (1)Việc nguyên đơn đã rút yêu cầu hợp đồng số 56/2010 cấp sơ thẩm không xác định rõ việc rút yêu cầu đó có ảnh hưởng quyền lợi các bên hay không, cấp phúc thẩm không làm rõ được tại phiên tòa do vậy kháng cáo là có căn cứ. (2)Hai hợp đồng vay số 54241/2010/HĐTDDH-DN và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 54243/2010/HĐTDHM-DN do ông Lỗ Đắc H ký là vô hiệu, do hợp đồng vay vốn lớn hơn 50% giá trị tài sản trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty Xi măng phải thông qua nghị quyết đại hội cổ đông, nhưng khoản vay này không được sự chấp thuận của đại hội cổ đông là sai quy định không có căn cứ xác định việc cho vay của Ngân hàng là đúng quy định. (3) Hợp đồng số 4053/2018 BN.V ký kết ngày 12/11/2018 ngân hàng mua lại khoản nợ từ 2 hợp đồng do V đang khởi kiện đối với công ty Xi Măng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đủ tài liệu, chứng cứ để xác định có quyền kế thừa nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là chưa đúng tố tụng. (4) Bản án sơ thẩm tuyên chưa chính xác, đính chính toàn bộ số liệu liên quan và nhiều lần đính chính (hai lần) ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. (5) Việc giám định cấp sơ thẩm thu thập không đúng trình tự thủ tục, vi phạm khoản 5 điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự, kết luận giám định lại có cùng nội dung là vi phạm thủ tục nên không được coi là chứng cứ hợp lệ, không có giá trị theo quy định khoản 6 điều 95 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện tại phiên Tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và yêu cầu của các bên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn thể hiện đầy đủ các nội dung kháng cáo và được nộp hợp lệ trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Đánh giá tính pháp lý của hợp đồng vay tín dụng và hợp đồng thế chấp:

Các bên đương sự đều thừa nhận ngày 02/7/2010 Ngân hàng cho Công ty Xi măng vay vốn theo 02 Hợp đồng tín dụng: Vay dài hạn số: 54241/2010/HĐTDDH-DN với số tiền vay: 12.000.000.000 đồng và hợp đồng tín dụng hạn mức số: 54243/2010/HĐTDHM-DN, Số tiền vay: 17.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay, mục đích vay, lãi suất áp dụng như thỏa thuận và được đảm bảo kèm theo ngay sau đó bằng 03 hợp đồng thế chấp tài sản như nêu trên gồm: Tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ: Khe cống thung lũng số 3, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Thể hiện hợp đồng số: 28H/HĐBĐ-2010 và toàn bộ máy móc thiết bị trạm nghiền Clinker, trạm cân điện tử thể hiện thế

chấp số: 29H/HĐTC-2010/DN ký ngày 13/07/2010 và Máy xúc lật bánh lốp, nhãn hiệu LW321F, BKS: 24LA-0130. Theo thể chấp số: 28Q/HĐTC-2011 đã ký kết ngày 31/08/2011 và hợp đồng bổ sung thể chấp quyền sử dụng đất số 51997/2010 ngày 20/5/2010 của bà Lê Thị Mừng đảm bảo cho các hợp đồng trong đó có hợp đồng vay số 56/HĐBĐ-2010. Các hợp đồng vay và thể chấp trên được giao kết trên cơ sở tự nguyện của các bên (*có biểu cam kết bên vay có trách nhiệm đảm bảo cho các khoản nợ phát sinh trước, trong hoặc sau ngày đảm bảo tài sản đã ký bút lục: 08 và 13,25, 17 đến 19*). Hợp đồng được thông qua tại Văn phòng công chứng số 2 tỉnh Lào Cai và được đăng ký bảo đảm đầy đủ theo quy định, có mặt trực tiếp đại diện theo pháp luật của hai bên cùng ký kết đến nay do chưa thực hiện trả xong nợ nên các hợp đồng vay và thể chấp vẫn có hiệu lực thực hiện.

[3]. Đánh giá về thẩm quyền ký kết và tính hiệu lực của các hợp đồng vay: Các bên thừa nhận trước khi ký vào hai hợp đồng vay số 54241/2010/HĐTDDH-DN và số 54243/2010/HĐTDHM-DN cùng ngày 02/7/2010 Công ty xi măng chỉ có 03 thành viên trong Hội đồng quản trị (cổ đông) đủ điều kiện theo điều 120 Luật doanh nghiệp quy định gồm bà Nguyễn Thị P; ông Trần Văn B; Ông Lỗ Đắc H; trong đó ông H vừa là chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty. ngày 01/7/2010 trước khi ký, đủ 03 cổ đông của công ty là ông H, bà P và ông B đã tiến hành cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị (hội đồng thành viên) biên bản họp nội dung thể hiện đủ các vấn đề quan trọng đòi hỏi hội đồng cổ đông phải họp thống nhất thông qua vẫn đúng quy định là hợp lệ và đúng như nội dung biên bản họp Hội đồng các thành viên ngày **10/6/2010** (bút lục 267-268) đều trước ngày 02/7/2010. Điều đó đã thể hiện rõ tính tập trung, thống nhất trước khi ủy quyền đại diện công ty là ông H đứng ra vay vốn tại Ngân hàng và được dùng tài sản của Công ty làm tài sản thế chấp. Mặt khác sau khi ông H ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng các cổ đông trong Công ty Xi Măng không ai có ý kiến gì và trong quá trình thực hiện hợp đồng, tại phiên tòa người đại diện thừa nhận Công ty Xi măng vay vốn về nhập quỹ sử dụng vốn vay trong Công ty. Công ty vẫn trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng theo các đợt nhận nợ, các lần chuyển đổi chức danh, bổ nhiệm lại Giám đốc sau ông H (Bl số 141; ông Sơn CTHĐQT, ông Quỳnh - Giám đốc tại văn bản ngày 14/12/2011) vẫn thừa nhận số nợ của công ty Xi măng và đã tiếp tục trả lãi, nhận nợ lãi theo các hợp đồng vay. Đến năm 2012 khi Công ty xi măng không thực hiện trả đều nợ theo cam kết của 02 hợp đồng số 54241/2010/HĐTDDH-DN và số 54243/2010/HĐTDHM-DN, Ngân hàng mới chuyển sang nợ thuộc nhóm V, ngày 30/10/2013 Ngân hàng mới bán toàn bộ khoản nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V (V). Trong Quá trình xử lý tài sản, do chưa thu hồi được khoản nợ trên. Sau khi khởi kiện ngày 12/11/2018, toàn bộ dư nợ của Công ty Xi măng đã được V bán lại cho Ngân hàng bằng hợp đồng mua bán nợ số: 4053/2018/BN.V1-SAIGONBANK cho đến nay (việc mua bán nợ gốc và lãi phát sinh khi giải

quyết là đúng quy định của ngân hàng nhà nước). Như vậy cả hai hợp đồng số 54241/2010/HĐTDDH-DN và số 54243/2010/HĐTDHM-DN được hai bên Ngân hàng Thương mại cổ phần S công thương và Công ty cổ phần Xi măng H ký kết cùng ngày 02/7/2010 và được chuyển giao để Ngân hàng thu hồi nợ vay theo hai hợp đồng này (có thông báo cho Công ty xi măng) là hợp pháp do chưa thực hiện nên vẫn đang có hiệu lực thi hành phù hợp với các điều 309; 318 của Bộ luật Dân sự năm 2005 cũng như Điều 309; 310 của Bộ luật dân sự năm 2015 và luật Ngân hàng quy định mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Trong quá trình giải quyết cấp sơ thẩm do nhầm lẫn tính sai số liệu, không trừ số tiền vay còn lại của hợp đồng 56/2010. Tuy nhiên đã có sửa đổi bổ sung số liệu gửi các bên đương sự. Tính đến ngày 25/6/2019 cả hai hợp đồng số 54241/2010/HĐTDDH-DN và số 54243/2010/HĐTDHM-DN đều quá thời hạn vay theo 26 giấy nhận nợ trừ số tiền đã trả và đã rút yêu cầu, bị đơn còn phải thanh toán là **52.491.490.059** đồng, trong đó nợ gốc là 18.116.564.079 đồng, tiền nợ lãi, phạt quá hạn gốc, phạt chậm lãi là **34. 374.925.980đ** là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn

Tại phiên tòa đại diện bị đơn và các luật sư cũng như những ý kiến đề nghị cùng trùng hợp với đại diện Viện kiểm sát nhân dân như: Bản án sơ thẩm đến ngày 10/10/2019 mới thông báo sửa chữa bản án và đính chính nhiều lần ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn; Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm và quá trình kháng cáo bị đơn không đưa ra được các căn cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Cấp sơ thẩm sửa chữa bản án theo quy định tại điều 268 BLTTDS (không phải là đính chính bản án). Việc sửa chữa, bổ sung bản án điều luật không có quy định thời hạn và số lần sửa do vậy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã phối hợp với Hội thẩm nhân dân ra quyết định sửa chữa kịp thời số liệu do nhầm lẫn là phù hợp.

Về đề nghị xem xét lại tư cách Ngân hàng Công thương do chưa đủ điều kiện là người kế thừa quyền và nghĩa vụ trong tổ tụng. Đề nghị này là chưa có căn cứ chấp nhận bởi V là tổ chức được nhà nước thành lập dưới hình thức Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận để xử lý mua, bán nợ xấu của các tổ chức tín dụng và tài sản đảm bảo cân đối nợ vay. Trong vụ án này do chưa thu hồi được vốn vay của Công ty Xi măng. Sau khi khởi kiện ngày 12/11/2018 dư nợ V bán lại cho Ngân Hàng bằng Hợp đồng số: 4053/2018/BN.V1-SAIGONBANK để thu hồi vốn vay, việc mua bán này là hoàn toàn tự nguyện đúng quy định. Vì vậy Ngân hàng Thương mại cổ phần S công thương là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là đúng quy định tại khoản 3, 4 điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đề nghị xem xét việc nguyên đơn rút yêu cầu hợp đồng thế chấp số 51997H/2010/, ngày 20/5/2010. Qua các tài liệu có trong hồ sơ đây là hợp đồng đảm bảo cho các hợp đồng vay do công ty V chưa bán vì người có tài sản thế chấp là bà Mừng đã chết, cấp sơ thẩm không chấp nhận do nguyên đơn không

cung cấp được địa chỉ hàng thừa kế nên đã rút yêu cầu. Bản án sơ thẩm đã đình chỉ hợp đồng 56/2010 do nguyên đơn đã rút và không buộc bị đơn phải thi hành tài sản thế chấp là hợp đồng đảm bảo số 51997H/2010/ ngày 20/5/2010, tại quyết định sửa chữa bản án cấp sơ thẩm đã trừ đi số tiền nguyên đơn đã rút cùng số tiền còn lại là 358. 248 857 đồng nên không gây thiệt hại gì đến quyền và lợi ích của các bên. Cấp phúc thẩm cần bổ sung rõ vào phần quyết định đảm bảo quyền lợi cho bị đơn trong khi thi hành án.

Đề nghị của Luật sư và Viện Kiểm Sát về việc chữ ký của bà P trong biên bản họp hội đồng cổ đông ngày 01/7/2010 là giả mạo, vì kết luận giám định của Bộ Quốc Phòng chưa đủ cơ sở vi phạm trình tự thu thập chứng cứ và việc ký hợp đồng vay vốn, lớn hơn 50% giá trị tài sản trong báo cáo tài chính không thông qua nghị quyết đại hội cổ đông là chưa đảm bảo theo điều 120 Luật Doanh nghiệp do đó hai hợp đồng vay vô hiệu. Công ty Xi măng chỉ có nghĩa vụ hoàn trả Ngân hàng số tiền gốc 18.116.564.079 đồng, khoản lãi đã trả bù trừ vào số tiền gốc vay.

Xét đề nghị này thấy rằng việc xác định chữ ký của bà Nguyễn Thị P đã được cấp sơ thẩm chấp nhận trưng cầu theo yêu cầu của bị đơn. Tại kết luận giám định số: 322/GĐKTHS-P11 ngày 15/11/2018 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng mới làm rõ được *chữ ký của ông Trần Văn B trên các mẫu từ M7 đến M16 và M18 là do cùng một người ký và ông B thừa nhận các chữ ký trong các biên bản họp gửi giám định là của ông*. Xong kết luận này do thiếu mẫu chưa xác định rõ được chữ ký của bà P, bị đơn đề nghị được trưng cầu giám định lại đối với chữ ký của bà P tại một cơ sở giám định khác là Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Căn cứ kết luận giám định số 27/C09-P5 ngày 27/3/2019 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận. Chữ ký dưới mục “TV thứ hai” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị P trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M11 gửi đến là do cùng một người ký ra (Các tài liệu chữ ký của bà P gửi giám định này là của bị đơn cung cấp và Tòa án cùng thu thập được theo yêu cầu của phía bị đơn) và được giám định lại theo yêu cầu của bị đơn không phải là cơ sở giám định lần đầu do vậy việc trưng cầu của cấp sơ thẩm là đúng trình tự quy định.

Như vậy cũng có đủ cơ sở xác định việc các cổ đông và Hội đồng quản trị hợp (Hội đồng thành viên) thông qua các biên bản đã thảo luận thống nhất ủy quyền cho ông H giám đốc - Chủ tịch hội đồng quản trị lúc đó đứng ra vay vốn, ký hai hợp đồng số 54241/2010/HĐTDDH-ND; số 54243/2010/HĐTDHM-DN và các hợp đồng thế chấp là hoàn toàn khách quan, phù hợp luật doanh nghiệp. Việc đảm bảo vốn vay công ty Xi măng thế chấp tài sản, đúng nội dung yêu cầu của Hội đồng quản trị (bút lục: 141 và 268) ông H đại diện ký kết bằng 03 hợp đồng 28H/HĐBĐ-2010; số 29H/HĐTC-2010/DN cùng ngày 13/7/2010, số 28Q/HĐTC-2011 ngày 31/8/2011 cho 03 nhóm tài sản của công ty như phần trên kê cả thế chấp quyền sử dụng đất được nhà nước giao quyền sử dụng là hoàn

toàn có căn cứ. (đúng như số tài sản mà các bên được xem xét thẩm định tại chỗ). Điều đó thể hiện sự đảm bảo có tính hợp lý tạo điều kiện cho công ty Xi măng sử dụng, khai thác nguồn vốn dùng cho sản xuất kinh doanh và đúng giá trị khi thế chấp so vốn vay là thấp hơn 50%. Kháng cáo tại phiên tòa cũng không có căn cứ chứng minh việc khai thác, sử dụng vốn vay trái pháp luật của phía Hội đồng quản trị công ty Xi măng, qua các lần bàn giao cho chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc mới là ông Sơn, ông Nguyễn Ngọc Quỳnh ngày 14/12/2011 các bên vẫn liệt kê, thừa nhận và cùng đối mới cơ cấu sản xuất để sinh lời, thu hồi vốn và trả nợ, các bên không có sự lừa dối và không có căn cứ chứng minh hợp đồng bị vô hiệu. Do đó Hội đồng xét xử công nhận cả hai hợp đồng số 54241/2010/HĐTDDH-ND và hợp đồng tín dụng số 54243/2010/HĐTDHM-DN ký kết cùng ngày 02/7/2010 là hợp pháp và có hiệu lực để thi hành. Cấp sơ thẩm buộc Công ty cổ phần Xi măng H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S công thương tổng số tiền còn nợ lại là **52.491.490.059** đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 18.116.564.079 đồng, tiền nợ lãi, phạt quá hạn gốc, phạt là 34.374.925.980 đ và các khoản phát sinh lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận của 02 hợp đồng trên đến ngày 25/6/2019 cho đến khi trả xong. Nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử có cơ sở bác kháng cáo của bị đơn và ý kiến của các luật sư bảo vệ cho bị đơn tại phiên tòa vì hợp đồng không bị vô hiệu. Không chấp nhận đề nghị của Đại diện VKSND vì không có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn do không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 38; khoản 4 Điều 74; Điều 148; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 161; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 309; 318; 336; 337; 338; 342; 344; 347; 355; 389, 401; 402; 403; 405, điều 422 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 309; 310 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ các Điều 91; 95; 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Bác kháng cáo của bị đơn do không có căn cứ chấp nhận.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2019//KDTM-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai như sau:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút yêu cầu xử lý tài sản theo Hợp đồng vay số: 56H/HĐBĐ-2010 ngày 19/10/2010 với số tiền còn theo hợp đồng là 358 248 857 đồng (*Ba trăm năm mươi tám ngàn hai trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm năm mươi bảy ngàn*).

3. Giữ nguyên phần trách nhiệm trả nợ: Buộc Công ty cổ phần Xi măng H phải có trách nhiệm và nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S công thương tổng số tiền tính đến ngày 25/6/2019 là **52.491.490.059** đồng (*năm mươi hai tỷ bốn trăm chín mươi một ngàn bốn trăm chín mươi ngàn không trăm năm mươi chín ngàn*), trong đó số tiền nợ gốc là 18.116.564.079 đồng, tiền nợ lãi trong hạn đã quá hạn, phạt quá hạn gốc, phạt chậm thanh toán lãi là 34.374.925.980 đồng.

Kể từ sau ngày 25/6/2019, Công ty Cổ phần xi măng H còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng dài hạn số: 54241/2010/HĐTDDH-DN và Hợp đồng hạn mức số: 54243/2010/HĐTDDH-DN cùng ngày 02/7/2010 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S công thương và Công ty cổ phần Xi măng H, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

4. Về thực hiện nghĩa vụ thế chấp tài sản: Trường hợp Công ty Cổ phần Xi măng H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên, Ngân hàng Thương mại cổ phần S Công thương có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi khoản nợ trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 28H/HĐBĐ-2010; Hợp đồng thế chấp động sản số: 29H/HĐTC-2010/DN

cùng ngày 13/7/2010 và số: 28Q/HĐTC-2011 ngày 31/8/2011 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S công thương với Công ty Cổ phần Xi măng H.

5. Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần xi măng H phải chịu phải chịu 160.491.490 VNĐ (*Một trăm sáu mươi triệu bốn trăm chín một nghìn bốn trăm chín mươi đồng*).

6. Về án phí phúc thẩm do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí Phúc thẩm 300 000 đ (ba trăm ngàn đồng) . Xác nhận bị đơn đã nộp đủ án phí kháng cáo phúc thẩm theo biên lai số: 0006259 ngày 16/8/ 2019).

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Các đương sự;
- Lưu TA, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Đài